

Số: 153 /QĐ-UBND

Phường Quang Trung, ngày 06 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025
của UBND phường Quang Trung**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 03/4/2025 của UBND quận Hà Đông về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi NSNN năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 của UBND quận Hà Đông về việc bổ sung kinh phí tổ chức kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025);

Căn cứ Quyết định số 1540/QĐ-UBND ngày 05/5/2025 của UBND quận Hà Đông về việc bổ sung kinh phí tổ chức lấy ý kiến nhân dân về sắp xếp đơn vị hành chính cấp phường;

Xét đề nghị của Công chức Tài chính - kế toán phường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025 của UBND phường Quang Trung (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân phường, bộ phận tài chính và các ban, ngành, đoàn thể liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân quận;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch quận;
- TT Đảng ủy, UBND phường;
- Các ban, ngành, đoàn thể phường;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Tám

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: UBND PHƯỜNG QUANG TRUNG
Chương: 799

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 153 /QĐ-UBND ngày 06/5/2025 của UBND phường Quang Trung)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: 1000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	1.620.000
I	Số thu phí, lệ phí (Giao phường thu, nộp NSNN)	1.620.000
1	Phí, lệ phí	150.000
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (khối hộ)	1.410.000
3	Thu khác ngân sách	60.000
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
1	Chi sự nghiệp.....	0
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	1.620.000
1	Phí, lệ phí	150.000
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (khối hộ)	1.410.000
3	Thu khác ngân sách	60.000
B	Dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước	39.963.408
I	Nguồn ngân sách trong nước (phần đã trừ tiết kiệm)	39.030.890
1	Chi quản lý hành chính	36.977.678
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	10.570.547
	Trong đó: Chuyển nguồn từ 2024 sang 2025	793.864

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	26.407.131
	- Trong đó: Bổ sung KP CCTL, tiền thưởng đợt 2 theo QĐ 1095/QĐ-UBND ngày 03/4/2025	3.739.184
	Bổ sung KP kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng miền Nam theo QĐ 1502/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	110.350
	Bổ sung KP lấy ý kiến nhân dân về sắp xếp đơn vị hành chính theo QĐ 1540/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	195.740
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	126.990
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	126.990
5	Chi bảo đảm xã hội	1.352.472
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.352.472
6	Chi hoạt động kinh tế	95.220
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	95.220
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	35.460
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	35.460
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	239.310

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	239.310
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	63.540
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	63.540
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	140.220
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	140.220
II	Tiết kiệm chi thường xuyên	932.518
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	398.394
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	534.124
C	Dự toán thu Đảng phí được để lại	1.329.300